

UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 578. /SKHCN-QLCN

V/v góp ý kiến dự thảo Thông tư  
quy định tiêu chí xác định sản phẩm,  
thiết bị sử dụng nước tiết kiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 09 tháng 8 năm 2019

Kính gửi:

- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tư Pháp, Tài Chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 7774/UBND-VP ngày 06/8/2019 về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm, theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ được giao tham mưu văn bản góp ý gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu, đóng góp ý kiến dự thảo Thông tư nêu trên.

Văn bản góp ý vui lòng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15/8/2019** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh và gửi Bộ KH&CN kịp thời gian đề nghị.

Trân trọng./.

(Kèm theo Công văn số 7774/UBND-VP ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh;  
Dự thảo Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ <http://sokhcn.baria-vungtau.gov.vn>.)

Nơi nhận:

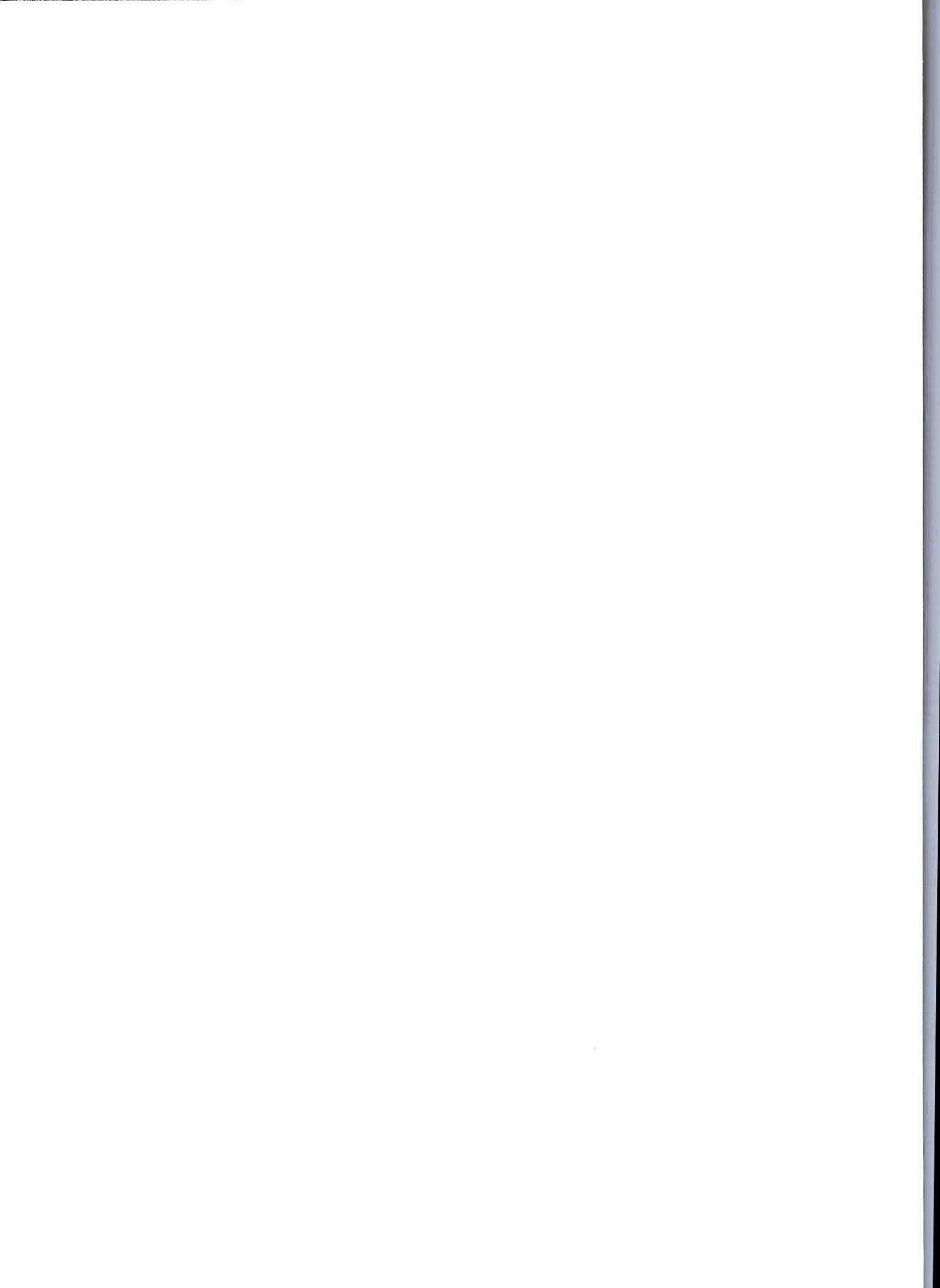
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD Sở KH&CN (b/c);
- Chi cục TĐC (góp ý);
- Các Phòng, Đơn vị trực thuộc Sở (góp ý);
- Trung tâm TT&TK KH&CN (dăng tin);
- Lưu: VT, QLCN.

*vu*

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



**Đỗ Hữu Hiền**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7774/UBND-VP

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 06 tháng 8 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
Số: ... 981 ...  
**ĐẾN** Ngày: 07/8/19 ...  
Chuyển: .....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

Ngày 26/7/2019, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Công văn số 2234/BKHCN-TĐC về việc lấy ý kiến về dự thảo Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu dự thảo Thông tư nêu trên của Bộ Khoa học và Công nghệ, có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến Sở Khoa học và Công nghệ biết, thực hiện./.

[Đính kèm Công văn số 2234/BKHCN-TĐC ngày 26/7/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ]

- Nơi nhận:**
- Như trên;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
  - CVP.UBND tỉnh;
  - Lưu VT-VX7.

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trần Hữu Phúc**

Thứ 3 ngày 14/8, Tỉnh An Giang, học sinh

S. Văn Nguyễn

học sinh: CC TĐ C  
Phòng Văn



Ky bởi: Bộ Khoa học và Công nghệ  
Ngày ký: 29.07.2019 08:48:00  
+07:00

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2234 /BKHCN-TĐC

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2019

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư quy định  
tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị  
sử dụng nước tiết kiệm

Kính gửi: .....

Thực hiện Nghị định số 54/2015/NĐ-CP ngày 8/6/2015 quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả: “*Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan ban hành tiêu chí sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của Nghị định này*”, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, xây dựng Dự thảo *Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm* và xin gửi đến các Quý Cơ quan/Tổ chức dự thảo Thông tư để nghiên cứu, góp ý. Văn bản góp ý xin gửi về trước ngày 16/8/2019 theo địa chỉ sau:

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (qua Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam) - Số 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.37564407; Email: info@vsqi.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng TBT (để thông báo);
- Lưu: VT, TĐC.



Trần Văn Tùng

## DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GỬI LẤY Ý KIẾN

Dự thảo Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm,  
thiết bị sử dụng nước tiết kiệm  
(Ngày gửi )

TT	Tên đơn vị gửi lấy ý kiến	Địa chỉ
1.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tầng 1, nhà A9, Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
2.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 10 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội
3.	Bộ Công Thương	54 Hai Bà Trưng - Hà Nội
4.	Bộ Xây dựng	37 Lê Đại Hành - Hà Nội
5.	Bộ Tư Pháp	60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.
6.	Bộ Tài Chính	Số 28 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
7.	Bộ Kế hoạch Đầu tư	6B Hoàng Diệu, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội
8.	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Số 16C Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
9.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Số 1 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
10.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	Số 04 đường Phan Đình Phùng, phường 3, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
11.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang	Số 82 đường Hùng Vương, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
12.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	Tổ 1A, phường Phùng Chí Kiên, TX.Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
13.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Số 10 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
14.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Số 7 đường Cách Mạng Tháng 8, phường 3, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
15.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	Tầng 16, Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương
16.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	Số 01 Trần Phú, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
17.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước	6/1 TX.Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
18.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận	Số 04 Hải Thượng Lãn Ông, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
19.	Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	Số 02, đường Hùng Vương, phường 5, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
20.	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	Số 011 đường Hoàng Đình Giông, TP.Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

TT	Tên đơn vị gửi lấy ý kiến	Địa chỉ
21.	Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ	02 Hòa Bình, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
22.	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng	Số 31 Trần Phú, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
23.	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	Số 08 Mai Hắc Đế, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
24.	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông	Đường 23 tháng 3, TX.Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
25.	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên	Phường Mường Thanh, TP.Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
26.	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Số 281 đường 30-4, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
27.	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	Số 12 đường 30/4, phường 1, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
28.	Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	Số 02 Trần Phú, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai
29.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang	Số 222, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
30.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam	Số 90 đường Trần Phú, phường Quang Trung, TP.Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
31.	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	Số 12 Lê Lai, Hoàn Kiếm, Hà nội
32.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	Số 66 Phan Đình Phùng, TP.Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
33.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương	Số 45 Quang Trung, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
34.	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng	Số 18 Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, TP.Hải Phòng
35.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang	Số 2 Hòa Bình, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
36.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình	Số 8 đường An Dương Vương, phường Phương Lâm, TP.Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
37.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	Số 10 Đường Chùa Chuông, TP.Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
38.	Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Số 06 Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
39.	Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	Số 542 Nguyễn Huệ, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum
40.	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Nhà A1, Khu Liên cơ số 1 Trần Phú, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

TT	Tên đơn vị gửi lấy ý kiến	Địa chỉ
41.	Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	Phường Tân Phong, TP.Lai Châu, tỉnh Lai Châu
42.	Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn	Đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
43.	Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai	Đại Lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường TP.Lào Cai, tỉnh Lào Cai
44.	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	Số 04 Trần Hưng Đạo, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
45.	Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	61 Nguyễn Huệ, phường 1, TP.Tân An, Long An
46.	Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định	Số 57 đường Vị Hoàng, TP.Nam Định, tỉnh Nam Định
47.	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình	Số 3 Lê Hồng phong, phường Vân Giang, TP.Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
48.	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Số 450 Thống Nhất, TP.Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
49.	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	Số 3 đường Trường Thi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
50.	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ	Đường Trần Phú, phường Tân Dân, TP.Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
51.	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Số 07 Độc Lập, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
52.	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	Số 06 Hùng Vương, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
53.	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam	Số 62 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
54.	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Phường Hồng Hà, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
55.	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Số 52 Hùng Vương, TP.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
56.	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Số 45 Hùng Vương - TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
57.	Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	Số 37 đường Nguyễn Văn Thém, phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
58.	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La	Số 131 Nguyễn Lương Bằng, TP.Sơn La, tỉnh Sơn La
59.	Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	Số 136 đường Trần Hưng Đạo, phường 2, TX.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
60.	Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang	Số 23 đường 30/4, phường 1, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang



TT	Tên đơn vị gửi lấy ý kiến	Địa chỉ
61.	Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
62.	Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	160 đường Trần Hưng Đạo, TX.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
63.	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình	Số 76 phố Lý Thường Kiệt, TP.Thái Bình, tỉnh Thái Bình
64.	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên	Số 18 đường Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
65.	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
66.	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	Số 16 Lê Lợi, TP.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
67.	Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh	Số 52A đường Lê Lợi, phường 1, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
68.	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	Số 88 Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, TP.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
69.	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	Đường Mê Linh, phường Khai Quang, TP.Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
70.	Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái	Tổ 55, phường Đồng Tâm, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Số: /2019/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

## THÔNG TƯ

### Quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 9 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quy định ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Căn cứ Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chí xác định và biện pháp đánh giá sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.

Các sản phẩm, thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư được quy định cụ thể tại Điều 4 của Thông tư này.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước.
2. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện thử nghiệm, chứng nhận các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước.
3. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước* là các sản phẩm, thiết bị có thiết kế công nghệ và cấu tạo trong quá trình sử dụng bắt buộc phải tiêu thụ một lượng nước nhất định để thực hiện một hoặc nhiều chức năng.
2. *Cấp hiệu quả sử dụng nước* là mức độ tiết kiệm nước của sản phẩm, thiết bị sử dụng nước nhưng vẫn đảm bảo tính năng sử dụng của sản phẩm, thiết bị đó.

## **Chương II**

### **TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÀ BIỆN PHÁP ĐÁNH GIÁ**

#### **Điều 4. Tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm**

1. Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm là sản phẩm, thiết bị sử dụng nước đáp ứng tất cả các tiêu chí sau:
  - a) Có tính năng đảm bảo mục đích sử dụng của sản phẩm, thiết bị phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng cho sản phẩm, thiết bị;
  - b) Có mức hiệu quả sử dụng nước phù hợp với mức quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này và tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tương ứng với từng loại sản phẩm, thiết bị.
2. Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước với mức hiệu quả sử dụng nước và phương pháp xác định tương ứng được nêu trong Bảng 1 của Thông tư này. Mức hiệu quả sử dụng nước của sản phẩm, thiết bị được chia thành ba cấp để phản ánh mức độ tiết kiệm nước. Cấp 1 là cấp có mức hiệu quả sử dụng nước thấp nhất tương ứng với khả năng tiết kiệm nước ít nhất. Cấp 3 là cấp có mức hiệu quả sử dụng nước cao nhất tương ứng với khả năng tiết kiệm nước nhiều nhất.
3. Khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cho các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm khác chưa được nêu trong Bảng 1 của Thông tư này thì áp dụng các TCVN đó.

**Bảng 1 – Mức hiệu quả sử dụng nước và phương pháp xác định áp dụng cho từng loại sản phẩm, thiết bị**

Loại sản phẩm, thiết bị	Mã HS tương ứng	Cấp hiệu quả sử dụng nước	Mức hiệu quả sử dụng nước	Phương pháp xác định
Sen vòi	8481	Cấp 1	$8,0 \text{ L/min} < f \leq 10,0 \text{ L/min}$	TCVN 12500:2018
		Cấp 2	$6,0 \text{ L/min} < f \leq 8,0 \text{ L/min}$	
		Cấp 3	$f \leq 6,0 \text{ L/min}$	
Vòi rửa bát	8481	Cấp 1	$6,0 \text{ L/min} < f \leq 8,0 \text{ L/min}$	TCVN 12500:2018
		Cấp 2	$4,0 \text{ L/min} < f \leq 6,0 \text{ L/min}$	
		Cấp 3	$f \leq 4,0 \text{ L/min}$	
Vòi rửa mặt	8481	Cấp 1	$6,0 \text{ L/min} < f \leq 8,0 \text{ L/min}$	TCVN 12500:2018
		Cấp 2	$4,0 \text{ L/min} < f \leq 6,0 \text{ L/min}$	
		Cấp 3	$f \leq 4,0 \text{ L/min}$	
Bệ xí bột	3922	Cấp 1	xả hoàn toàn: $5,0 \text{ L/lần xả} < f_v \leq 6,0 \text{ L/lần xả}$ xả giảm: $3,0 \text{ L/lần xả} < f_v \leq 3,5 \text{ L/lần xả}$	TCVN 12501:2018
		Cấp 2	xả hoàn toàn: $4,0 \text{ L/lần xả} < f_v \leq 5,0 \text{ L/lần xả}$ xả giảm: $2,5 \text{ L/lần xả} < f_v \leq 3,0 \text{ L/lần xả}$	
		Cấp 3	xả hoàn toàn: $f_v \leq 4,0 \text{ L/lần xả}$ xả giảm: $f_v \leq 2,5 \text{ L/lần xả}$	
Máy giặt gia dụng	8450	Cấp 1	$12,0 \text{ L/kg} < E \leq 15,0 \text{ L/kg}$	TCVN 11920:2017
		Cấp 2	$9,0 \text{ L/kg} < E \leq 12,0 \text{ L/kg}$	
		Cấp 3	$E \leq 9,0 \text{ L/kg}$	

$f$  là hiệu quả sử dụng nước của vòi sen tắm, vòi rửa, được tính bằng lượng nước cấp (lít, L) trong một phút (min).

$f_v$  là hiệu quả sử dụng nước của bồn cầu được tính bằng thể tích nước xả (lít, L) trong một lần xả.

$E$  là hiệu quả sử dụng nước của máy giặt, được tính bằng lượng nước (lít, L) cần thiết để giặt một kilôgam (kg) vật liệu dệt theo quy định.

### **Điều 5. Biện pháp đánh giá sản phẩm sử dụng nước tiết kiệm**

1. Việc đánh giá sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm theo tiêu chí quy định tại Điều 4 của Thông tư này được thực hiện theo phương thức 1 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân.

2. Việc đánh giá sự phù hợp được thực hiện bởi các tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018. Việc thử nghiệm được thực hiện bởi các tổ chức thử nghiệm được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018.

### **Điều 6. Nhãn tiết kiệm nước**

1. Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước sau khi được đánh giá phù hợp với tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm quy định tại Điều 4 của Thông tư này sẽ được phép mang nhãn tiết kiệm nước. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm được đánh giá phù hợp tự thực hiện việc gắn nhãn tiết kiệm nước lên sản phẩm, thiết bị. Hình thức, quy cách nhãn tiết kiệm nước quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

2. Nhãn tiết kiệm nước phải có các thông tin sau:

a) Số chứng nhận do tổ chức chứng nhận cấp kèm theo tên của tổ chức chứng nhận. Số chứng nhận có thể dưới dạng mã số mã vạch và được sử dụng theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

b) Ký hiệu về mức hiệu quả sử dụng nước của sản phẩm, thiết bị ứng với quy định tại khoản 2 Điều 4 theo mẫu tại Phụ lục 1 của Thông tư này, với một sao là cấp 1, hai sao là cấp 2 và ba sao là cấp 3.

3. Nhãn tiết kiệm nước có thể được thay đổi kích thước, phóng to hoặc thu nhỏ, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ của nhãn, để phù hợp với sản phẩm, thiết bị, không được gây nhầm lẫn, che lấp hoặc ảnh hưởng tới thông tin bắt buộc ghi trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hoá. Nhãn tiết kiệm nước được gắn trực tiếp trên sản phẩm, thiết bị hoặc trên bao bì, tài liệu hướng dẫn của sản phẩm, thiết bị.

4. Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm được nhập khẩu đã được gắn nhãn tiết kiệm nước của nước xuất khẩu có thỏa thuận song phương với Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) liên quan đến dán nhãn tiết kiệm nước sẽ được phép gắn nhãn tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này mà không phải thực hiện việc đánh giá sự phù hợp nêu tại Điều 5 của Thông tư này.

5. Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước không đáp ứng tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm quy định tại Thông tư này nếu mang nhãn tiết kiệm nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

1. Xây dựng, soát xét các tiêu chuẩn quốc gia về mức hiệu quả sử dụng nước cho sản phẩm, thiết bị cụ thể trình Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận của các tổ chức chứng nhận theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018; Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức thử nghiệm đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018.

3. Chủ trì hoạt động thanh tra, kiểm tra trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường và tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp.

4. Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu về các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.

5. Tổ chức thực hiện và hướng dẫn thực hiện thông tư này.

### **Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức chứng nhận**

1. Thực hiện đánh giá, cấp chứng nhận sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm cho tổ chức, cá nhân theo Thông tư này và các trách nhiệm khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp được quy định tại Điều 18e của Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

2. Sử dụng kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm theo yêu cầu của khoản 2 Điều 5 của Thông tư này. Trong trường hợp sử dụng kết quả thử nghiệm của phòng thử nghiệm nước ngoài phải thực hiện việc đánh giá phòng thử nghiệm theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 và phải báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) trước khi thực hiện.

3. Cập nhật thông tin về các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm đã được cấp giấy chứng nhận theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

4. Đình chỉ giấy chứng nhận đã cấp trong vòng 3 tháng nếu sản phẩm được chứng nhận không đáp ứng yêu cầu chứng nhận. Hủy bỏ giấy chứng nhận nếu trong thời hạn đình chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm được chứng nhận không khắc phục thỏa đáng các vấn đề không phù hợp, hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đó. Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm gửi quyết định hủy bỏ/đình chỉ về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để theo dõi, quản lý.

### **Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có sản phẩm, thiết bị tiết kiệm nước được chứng nhận**

1. Duy trì các biện pháp đảm bảo sản phẩm, thiết bị ổn định mức hiệu quả sử dụng nước đã được cấp giấy chứng nhận.

2. Chấp hành hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tuân thủ các nghĩa vụ về việc sử dụng nhãn tiết kiệm nước.

4. Thông báo trung thực, đầy đủ, kịp thời các thay đổi của sản phẩm, thiết bị được chứng nhận tới tổ chức chứng nhận.

#### **Điều 10. Điều khoản tham chiếu**

1. Trong trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới.

2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong Thông tư này được soát xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 20...

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, đề nghị tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu VT, TĐC.

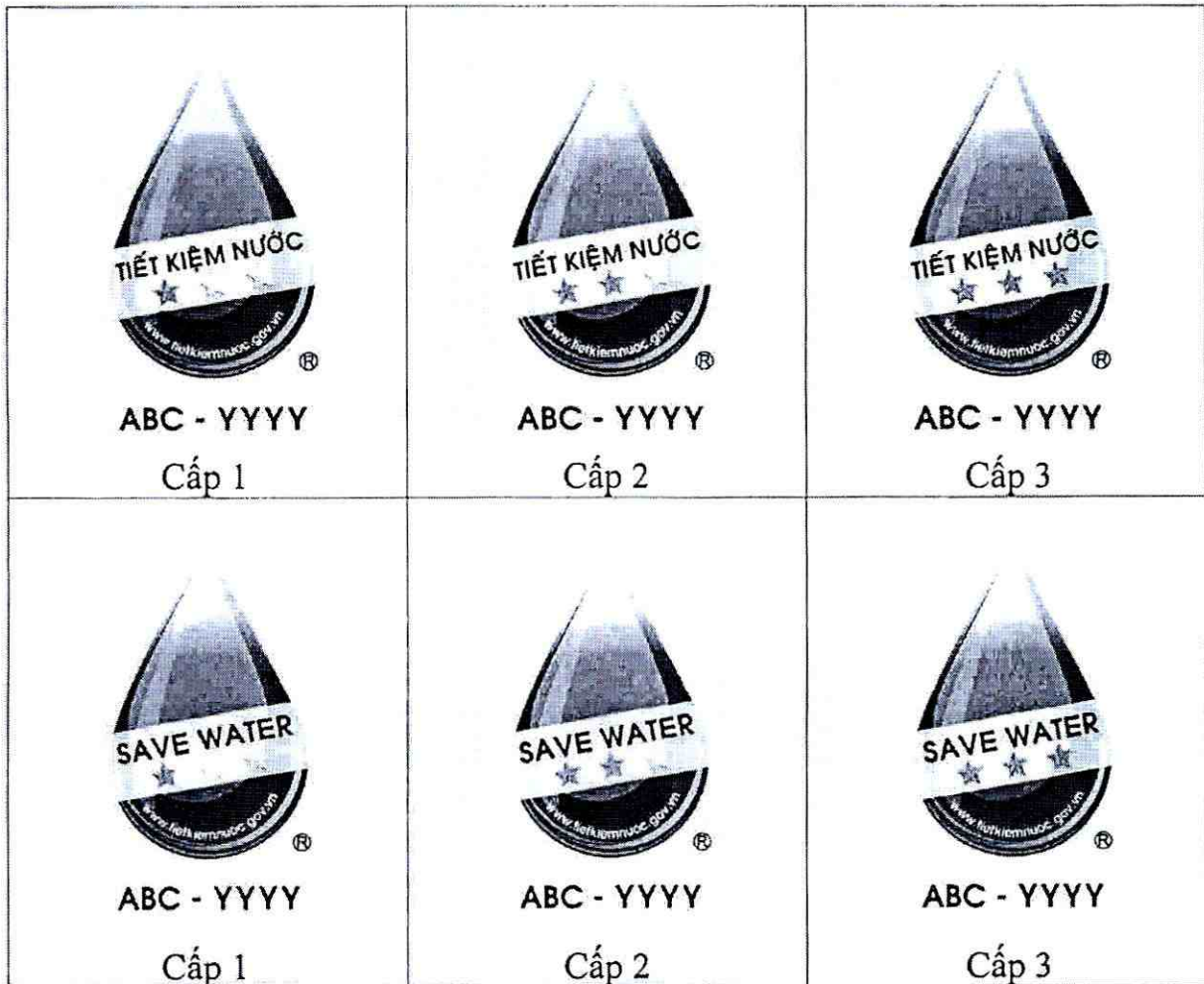
**BỘ TRƯỞNG**

## Phụ lục 1

### Mẫu nhãn tiết kiệm nước

(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BKHCHN ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Hình ảnh nhãn tiết kiệm nước dưới đây tương ứng với ba cấp hiệu quả sử dụng nước theo quy định (thể hiện bằng số sao màu vàng trên nhãn). Cho phép sử dụng nhãn tiếng Việt hoặc nhãn tiếng Anh.



GIẢI MÀU CHUYỂN RADIAL			
 <b>TIẾT KIỆM NƯỚC</b> (font: VNI-AVO) C: 100, M: 80, Y: 30, K: 25	 <b>Màu đậm</b> C: 100, M: 70, Y: 0, K: 0	 <b>Màu trung gian</b> C: 70, M: 0, Y: 0, K: 0	 <b>Màu trắng</b> C: 0, M: 0, Y: 0, K: 0
 C: 0, M: 20, Y: 100, K: 0  C: 0, M: 0, Y: 100, K: 0		Tỉ lệ kích thước logo: <b>Cao: 10, rộng 6</b> Toàn bộ logo dùng font chữ: <b>VNI-AVO</b> Cỡ chữ sẽ tỉ lệ với kích thước logo	



# THUYẾT MINH DỰ THẢO

Thông tư số /2019/TT-BKHCN, Thông tư quy định tiêu chí sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm

## I. Sự cần thiết ban hành Thông tư

Luật Tài nguyên nước được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 3 ngày 21/6/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/11/2013, có quy định tại Điều 41 “*Tổ chức, cá nhân đầu tư sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước, thu gom, sử dụng nước mưa, sử dụng nước được khử muối từ nước lợ, nước mặn, đầu tư thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước, được vay vốn ưu đãi và miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật*” và “*Chính phủ quy định việc ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả*”.

Nhận thức tầm quan trọng về vấn đề sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả, theo tinh thần tại Luật Tài nguyên nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định 54/2015/NĐ-CP ngày 08/06/2015 về *Quy định ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả* nhằm khuyến khích các nhà sản xuất, nhập khẩu và người tiêu dùng nhận thức và quan tâm tới việc sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hiệu quả để tránh tổn thất nguồn tài nguyên và gây ảnh hưởng tới môi trường. Hiện nay tại Việt Nam chưa có tiêu chí cụ thể để đánh giá các sản phẩm, thiết bị tiết kiệm nước mà mới chỉ dừng lại ở các hoạt động nghiên cứu giải pháp.

## II. Lựa chọn danh mục sản phẩm, thiết bị đưa vào quản lý và lựa chọn phương thức chứng nhận

Trên thế giới, một số quốc gia có nền khoa học và công nghệ phát triển như Anh, Úc, Mỹ và Nhật Bản, Singapore, Malaysia ... đã xây dựng tiêu chuẩn và áp dụng cho các đối tượng sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm. Một số quốc gia khác không xây dựng tiêu chuẩn cụ thể mà quy định trực tiếp mức giới hạn tại văn bản pháp luật đối với từng loại sản phẩm trên cơ sở khuyến nghị theo Chỉ thị của Hội đồng Châu Âu cho ba lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng. Tuy nhiên, việc áp dụng tiêu chuẩn về sử dụng nước hiệu quả cho mỗi loại sản phẩm, thiết bị, công nghệ cũng như việc quy định trực tiếp mức giới hạn tại văn bản pháp luật, hiện đang có sự khác nhau về loại sản phẩm giữa các quốc gia. Bảng 1 đưa ra tổng quan tình hình nghiên cứu cũng như ứng dụng sản phẩm thiết bị sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả của các quốc gia trên thế giới. Báo cáo nghiên cứu tập trung vào một số quốc gia phát triển và có chương trình dán nhãn tiết kiệm thời gian dài.

**Bảng 1 – Tổng quan tình hình nghiên cứu và chương trình dán nhãn tiết kiệm nước cho các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm**

Tên sản phẩm	Singapore	Malaysia	US	UK	Japan	Australia	New Zealand
1. Sen vòi	√	√	√	√	√	√	√
2. Vòi rửa	√	√		√	√	√	
3. Bệ xí bột	√	√	√	√	√	√	√
4. Bồn tiểu nam	√	√	√			√	
5. Máy giặt gia dụng	√		√			√	√
6. Máy rửa bát			√			√	√
7. Cơ cấu kiểm soát dòng				√		√	
8. Bồn tắm				√			
<b>Chương trình dán nhãn</b>	Singapore Green Labelling Scheme	Malaysia WELS	Water Sense Scheme Florida Water star laber residential building	BMA water efficiency labelling scheme	Japan Eco Mark	Australian WELS	New Zealand WELS

Danh mục trên có 8 sản phẩm thiết bị sử dụng nước tiết kiệm, tuy nhiên về sản phẩm “bồn tắm” mới chỉ có Anh (UK), “thiết bị kiểm soát dòng” có Anh (UK) và Úc, “máy rửa bát” có Mỹ, Úc và New Zealand đưa vào nghiên cứu và thực hiện.

Ở Việt Nam, các sản phẩm “bồn tắm”, “thiết bị kiểm soát dòng”, “máy rửa bát” và “bồn tiểu nam” chưa phổ biến trên thị trường. Ngoài ra, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đã có các TCVN liên quan đến tiêu chí đánh giá sản phẩm tiết kiệm nước cho các sản phẩm: máy giặt gia dụng, sen vòi, vòi rửa, bệ xí bột.

Trên cơ sở đó, Thông tư này đưa ra danh mục các thiết bị, sản phẩm sau:

1. Sen vòi
2. Vòi rửa
3. Bệ xí bột
4. Máy giặt gia dụng

Các sản phẩm chưa được đề cập trong Thông tư, sẽ được đưa vào chương trình dán nhãn tiết kiệm nước khi có tiêu chuẩn quốc gia tương ứng và khi đó Tổng cục TCĐLCL sẽ có hướng dẫn cụ thể.

Ngoài ra, chương trình dán nhãn tiết kiệm nước của các quốc gia chỉ tập trung vào các sản phẩm, thiết bị mà không đề cập đến công nghệ. Tiêu chí tiết kiệm nước áp dụng cho công nghệ thường nằm ở các chương trình riêng, và cũng chưa có quốc gia nào đưa ra được các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức hiệu quả sử dụng nước của các công nghệ khác nhau. Do đó trong thông tư này cũng chưa đề cập đến công nghệ tiết kiệm nước vì cũng chưa có các nghiên cứu cụ thể.

Tiêu chí xác định: Bộ KH-CN xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia tương ứng để xác định các tiêu chí tiết kiệm nước cho các sản phẩm, thiết bị thuộc danh mục trên.

Phương thức chứng nhận: Các sản phẩm, thiết bị được xem xét đánh giá về khía cạnh tiết kiệm nước chỉ phụ thuộc vào thiết kế của bản thân sản phẩm mà không phụ thuộc nhiều vào quá trình sản xuất. Do đó, phương thức chứng nhận được đề xuất là phương thức 1: Thử nghiệm mẫu điển hình.

Hoạt động đánh giá sự phù hợp sẽ được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp bên thứ ba, đã đăng ký lĩnh vực hoạt động.

Hình thức triển khai: tự nguyện

### **III. Kết cấu của dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư bao gồm 3 Chương 11 Điều và 1 Phụ lục

#### **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

– Điều 1: Phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định các tiêu chí xác định và biện pháp đánh giá sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.

Danh mục các sản phẩm, thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

– Điều 2: Nêu cụ thể về đối tượng áp dụng của Thông tư (theo quy định tại Nghị định 54/2015/NĐ-CP) bao gồm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu các sản phẩm, thiết bị có sử dụng nước, tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện thử nghiệm, chứng nhận các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước và các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức cá nhân khác có liên quan.

– Điều 3: Đưa ra giải thích thuật ngữ về Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước và Cấp hiệu quả sử dụng nước.

## Chương II: TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÀ BIỆN PHÁP ĐÁNH GIÁ

– Điều 4: Đưa ra các tiêu chí xác định sản phẩm tiết kiệm nước, được nêu cụ thể trong khoản 1 của điều này. Đối với các sản phẩm, thiết bị được nêu trong Bảng 1 của Thông tư này, áp dụng các mức hiệu quả sử dụng nước tương ứng quy định trong bảng. Khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cho các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm chưa được nêu trong Bảng 1 của Thông tư này thì áp dụng các TCVN đó.

– Điều 5: Đưa ra các biện pháp đánh giá sản phẩm sử dụng nước tiết kiệm, gồm:

1. Việc đánh giá sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm theo tiêu chí quy định tại Điều 4 của Thông tư này được thực hiện theo phương thức 1 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân.

2. Việc đánh giá sự phù hợp được thực hiện bởi các tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018. Việc thử nghiệm được thực hiện bởi các tổ chức thử nghiệm được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018.

– Điều 6: Đưa ra các nội dung quy định trên nhãn năng lượng, các quy định và cách thức sử dụng nhãn. Trên nhãn năng lượng sẽ có biểu tượng giọt nước, số sao được in đậm tương ứng với cấp hiệu quả sử dụng nước được xác định theo tiêu chuẩn quốc gia tương ứng, địa chỉ trang web tiết kiệm nước và mã chứng nhận.

## Chương III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

– Điều 7: Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

– Điều 8: Trách nhiệm của tổ chức chứng nhận

– Điều 9: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có sản phẩm, thiết bị tiết kiệm nước được chứng nhận

– Điều 10: Điều khoản tham chiếu

– Điều 11: Hiệu lực thi hành

Phụ lục 1: Mẫu nhãn tiết kiệm nước